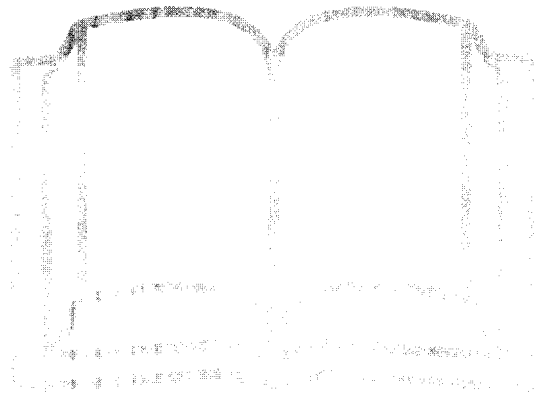




**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÍ I NĂM 2013
CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH (MÃ CK:HMH)**



Tp.HCM, ngày 10.05.2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		64.442.479.720	63.019.081.985
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	28.201.122.158	30.466.527.868
1. Tiền	111		9.132.122.158	5.283.805.264
2. Các khoản tương đương tiền	112		19.069.000.000	25.182.722.604
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	800.000.000
Đầu tư ngắn hạn	121		-	800.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		32.580.069.798	28.102.899.174
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	27.275.971.749	24.528.028.829
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	3.017.054.687	2.523.950.467
3. Các khoản phải thu khác	135	V.4	2.380.043.362	1.143.919.878
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(93.000.000)	(93.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140		1.424.269.471	1.313.926.850
Hàng tồn kho	141		1.424.269.471	1.313.926.850
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.237.018.293	2.335.728.093
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5	779.294.180	492.810.236
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	375.235.613
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		312.362.315	329.059.263
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	1.145.361.798	1.138.622.981
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		156.414.321.922	149.532.879.718
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		81.120.486.482	76.727.885.200
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	73.768.233.454	73.876.919.125
Nguyên giá	222		116.825.366.384	114.224.441.565
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(43.057.132.930)	(40.347.522.440)
2. Tài sản cố định vô hình	227		1.120.000.000	1.120.000.000
Nguyên giá	228		1.137.000.000	1.137.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(17.000.000)	(17.000.000)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		6.232.253.028	1.730.966.075
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.8	70.080.676.000	68.186.912.756
1. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252		63.280.676.000	61.386.912.756
2. Đầu tư dài hạn khác	258		6.800.000.000	6.800.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.429.051.138	1.648.366.240
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	1.625.758.280	1.385.073.382
2. Tài sản dài hạn khác	268	V.10	803.292.858	263.292.858
VI. Lợi thế thương mại	269		2.784.108.302	2.969.715.522
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		220.856.801.642	212.551.961.703

Báo cáo này được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2013


NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		25.569.714.855	22.188.932.152
I. Nợ ngắn hạn	310		25.004.085.802	21.968.963.099
1. Phải trả người bán	312	V.11	14.167.425.373	15.066.806.563
2. Người mua trả tiền trước	313		530.845.570	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	1.936.882.834	2.831.993.029
4. Phải trả người lao động	315		1.556.132.335	1.682.273.812
5. Chi phí phải trả	316		50.105.155	31.818.182
6. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	2.080.878.887	919.838.436
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.001.696.891	753.728.320
8. Quỹ khen thưởng Ban Điều hành	323		2.680.118.757	682.504.757
II. Nợ dài hạn	330		565.629.053	219.969.053
1. Phải trả, phải nộp dài hạn khác	333		445.660.000	100.000.000
2. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		119.969.053	119.969.053
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		191.926.146.471	187.050.361.517
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	191.926.146.471	187.050.361.517
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		99.998.840.000	99.998.840.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.928.510.000	1.928.510.000
3. Cổ phiếu quỹ	414		(4.573.065.830)	(4.573.065.830)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.051.360.115	2.051.360.115
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.574.565.936	4.375.997.936
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		86.945.936.250	83.268.719.296
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C. Lợi ích cổ đông thiểu số	439		3.360.940.316	3.312.668.034
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		220.856.801.642	212.551.961.703

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại:	05			
- Dollar Mỹ (USD)			6.503,34	7.570,31
- Dollar Singapore (SGD)			0,00	0,00

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 05 năm 2013




NGUYỄN THẾ HÙNG
 Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý I năm 2013


(Có so sánh với số liệu Quý I năm 2012)

Đơn vị tính: VND

CHI TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế			
			Quý I năm 2013	Quý I năm 2012	Quý I năm 2013	Quý I năm 2012
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	27.006.967.811	24.263.249.065	27.006.967.811	24.263.249.065
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		27.006.967.811	24.263.249.065	27.006.967.811	24.263.249.065
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2	19.545.114.619	19.157.672.430	19.545.114.619	19.157.672.430
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.461.853.192	5.105.576.635	7.461.853.192	5.105.576.635
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	962.058.959	1.746.907.148	962.058.959	1.746.907.148
7 Chi phí tài chính	22		26.834.351	17.838.294	26.834.351	17.838.294
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	-	-	-
8 Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
9 Chi phí quản lý kinh doanh	25	VI.4	2.391.198.564	2.653.180.720	2.391.198.564	2.653.180.720
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.005.879.236	4.181.464.769	6.005.879.236	4.181.464.769
11 Thu nhập khác	31	VI.5	618.438.091	245.921.480	618.438.091	245.921.480
12 Chi phí khác	32	VI.6	392.079.183	141.135.094	392.079.183	141.135.094
13 Lợi nhuận khác	40		226.358.908	104.786.386	226.358.908	104.786.386
14 Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	45		4.141.258.145	3.552.967.285	4.141.258.145	3.552.967.285
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.373.496.289	7.839.218.440	10.373.496.289	7.839.218.440
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		1.502.483.335	1.038.985.025	1.502.483.335	1.038.985.025
17 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.871.012.954	6.800.233.415	8.871.012.954	6.800.233.415
19 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		44.038.116	(19.911.603)	44.038.116	(19.911.603)
20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		8.826.974.838	6.820.145.018	8.826.974.838	6.820.145.018
<i>Trong đó</i>						
<i>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân</i>			9.784.784	6.964.806	9.784.784	6.964.806
21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	902	979	902	979

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 05 năm 2013




 NGUYỄN THẾ HƯNG
 Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý I năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>		<i>10.373.496.289</i>	<i>44.278.996.416</i>
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		3.005.918.813	11.244.861.646
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	(598.369)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.009.841.494)	(30.180.880.504)
- Chi phí lãi vay	06		-	10.720.283
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>		<i>12.369.573.608</i>	<i>25.353.099.472</i>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(9.535.360.904)	11.271.542.955
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(110.342.621)	(964.617.363)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		3.502.111.624	(15.483.960.626)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(527.168.842)	(47.200.161)
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	(10.720.283)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.575.539.974)	(7.555.903.820)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	430.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	(1.028.011.352)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<i>4.123.272.891</i>	<i>11.964.228.822</i>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(7.790.411.772)	(22.314.257.245)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		490.909.091	1.031.818.180
- Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(31.841.511.800)
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		910.824.080	24.975.430.097
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>(6.388.678.601)</i>	<i>(28.148.520.768)</i>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	3.569.380.000
- Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(1.167.200)
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	1.000.000.000
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(1.057.089.668)
- Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(14.539.834.092)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>-</i>	<i>(11.028.710.960)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(2.265.405.710)	(27.213.002.906)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		30.466.527.868	57.678.932.405
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	VI.1	-	598.369
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	VI.1	28.201.122.158	30.466.527.868

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 05 năm 2013



NGUYỄN THẾ HÙNG
Kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản Xuất – Dịch vụ
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, mua bán thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp; Mua bán xe chuyên dùng; Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng; Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh; Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ - đường sông – đường biển; Đại lý đường biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyên; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy – đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán cho thuê tàu và thiết bị hàng hải; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành công nghiệp.

4. Công ty con, Công ty liên kết

Công ty con được hợp nhất:

Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát

Địa chỉ: Tầng 2, khách sạn Việt Trung – số 103 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 1, quận An Hải, Thành phố Hải Phòng.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 96,08%

Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 96,08%

Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng

Địa chỉ : Km 103 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 1, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 100%

Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 100%

Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam

Địa chỉ : Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 55,29%

Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 55,29%

Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh

Địa chỉ : KM 0+200, Đường Đình Vũ, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, Thành Phố Hải Phòng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 100%

Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 100%

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý I năm 2013

Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Công ty TNHH "K" Line Việt Nam

Địa chỉ : 23 Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 49,00%

Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 49,00%

Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh

Địa chỉ : Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 49,00%

Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 49,00%

Công ty CP Hàng Hải Hưng phú

Địa chỉ :

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 40,00%

Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 40,00%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính quý 1 năm 2013 thuộc năm tài chính thứ 12 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND).

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi lập Báo cáo: Ngày 31/12/2012: 20.828 VND/USD

Ngày 31/03/2013: 20.828 VND/USD

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý I năm 2013

năm 2009 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Các thay đổi chính sách kế toán và áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau:

Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ở Việt Nam: Vào ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"). Thông tư 210 có hiệu lực áp dụng kể từ năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

4. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ nhật ký chung;

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

3. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý I năm 2013

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

4. Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

5. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

6. Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào một công ty mà phần góp vốn của Công ty chiếm dưới 20% vốn chủ sở hữu của công ty đó.

7. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên Bảng cân đối kế toán.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

8. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý I năm 2013

thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ dài hạn.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

9. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

10. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác.

11. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí bảo hiểm tài sản, chi phí công cụ dụng cụ chi phí khác được Công ty tiến hành phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 1 năm.

12. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc thiết bị	03 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý I năm 2013

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

13. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là Website của Công ty được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

14. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa văn phòng, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí thi công mặt bằng và chi phí khác được Công ty tiến hành phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 1 đến 3 năm.

15. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

16. Nguồn vốn kinh doanh - Các quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.
- Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của Công ty dùng để chi trợ cấp thôi việc, mất việc làm cho người lao động tại Công ty theo quy định hiện hành.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã thực hiện xong và có xác nhận của khách hàng về dịch vụ đã thực hiện.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

18. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở phù hợp với doanh thu trong kỳ.

19. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý I năm 2013

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Chi tiêu	Đơn vị tính: VND	
	Số dư 31/03/2013	Số dư 01/01/2013
Tiền mặt	1.354.865.558	754.010.245
Tiền VND	1.325.498.078	724.642.765
USD quy đổi VND	29.367.480	29.367.480
Tiền gửi ngân hàng	7.777.256.600	4.529.795.019
Tiền VND	7.667.611.219	4.401.489.495
Tiền USD quy đổi sang VND	109.645.381	128.305.524
Các khoản tương đương tiền	19.069.000.000	25.182.722.604
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	28.201.122.158	30.466.527.868

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng.

2. Phải thu khách hàng

Công ty Cổ phần Hải Minh	10.446.063.582	12.486.987.237
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	7.304.170.891	6.187.493.935
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	1.016.018.750	2.806.129.822
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	2.802.140.982	602.095.450
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	5.707.577.544	2.445.322.385
Cộng	27.275.971.749	24.528.028.829

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý I năm 2013

3. Trả trước cho người bán

Chỉ tiêu	Số dư 31/03/2013	Số dư 01/01/2013
Công ty Cổ phần Hải Minh	984.013.700	25.000.000
Công ty Tiếp vận Nam Phát	2.033.040.987	2.498.950.467
Cộng	3.017.054.687	2.523.950.467

4. Các khoản phải thu khác

Công ty Cổ phần Hải Minh	606.297.462	860.885.885
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	120.000.000	4.670.000
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	1.455.583.484	5.000.848
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	151.662.416	187.247.811
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	46.500.000	86.115.334
Cộng	2.380.043.362	1.143.919.878

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

Công ty Cổ phần Hải Minh	417.024.573	362.123.135
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	226.191.310	63.271.636
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	15.985.807	15.985.807
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	-	-
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	120.092.490	51.429.658
Cộng	779.294.180	492.810.236

6. Tài sản ngắn hạn khác

Công ty Cổ phần Hải Minh	346.486.784	317.226.230
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	462.168.445	453.414.499
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	310.804.252	310.804.252
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	-	50.000.000
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	25.902.317	7.178.000
Cộng	1.145.361.798	1.138.622.981

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Quý I năm 2013

7. Tăng, giảm TSCĐ hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình
I. Nguyên giá					
1. Số đầu năm	46.986.826.725	12.789.519.377	53.417.928.529	1.030.166.934	114.224.441.565
2. Tăng trong kỳ	-	1.725.523.821	1.547.926.002	15.674.996	3.289.124.819
3. Giảm trong kỳ	-	-	688.200.000	-	688.200.000
4.Số dư 31/03/2013	46.986.826.725	14.515.043.198	54.277.654.531	1.045.841.930	116.825.366.384
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số đầu năm	10.240.279.093	7.214.445.711	22.192.077.050	700.720.586	40.347.522.440
2. Tăng trong kỳ	730.400.799	500.620.551	1.747.124.573	27.772.890	3.005.918.813
3. Giảm trong kỳ	-	-	296.308.323	-	296.308.323
4.Số dư 31/03/2013	10.970.679.892	7.715.066.262	23.642.893.300	728.493.476	43.057.132.930
III. Giá trị còn lại					
1. Số đầu năm	36.746.547.632	5.575.073.666	31.225.851.479	329.446.348	73.876.919.125
2.Số dư 31/03/2013	36.016.146.833	6.799.976.936	30.634.761.231	317.348.454	73.768.233.454

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Chỉ tiêu	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng TSCĐ hữu hình
1. Tại 01/01/2013	941.733.810	68.765.109	1.010.498.919
2. Tại 31/03/2013	941.733.810	68.765.109	1.010.498.919

8. Đầu tư tài chính dài hạn

Chỉ tiêu	Số dư 31/03/2013	Số dư 01/01/2013
Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	63.231.101.682	61.386.912.756
Đầu tư dài hạn khác	6.800.000.000	6.800.000.000
+ Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	5.000.000.000	5.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Sao Biển	1.800.000.000	1.800.000.000
Cộng	70.031.101.682	68.186.912.756

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công ty Cổ phần Hải Minh	707.560.181	486.264.024
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	-	-
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	753.053.753	898.809.358
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	165.144.346	-
Cộng	1.625.758.280	1.385.073.382

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý I năm 2013

10. Tài sản dài hạn khác

Chỉ tiêu	Số dư 31/03/2013	Số dư 01/01/2013
Công ty Cổ phần Hải Minh	755.680.858	215.680.858
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	3.212.000	3.212.000
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	44.400.000	44.400.000
Cộng	803.292.858	263.292.858

11. Phải trả người bán

Công ty Cổ phần Hải Minh	9.274.150.913	9.604.107.432
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	1.392.203.554	1.442.236.785
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	-	2.117.015.414
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	-	463.671.700
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	3.501.070.906	1.439.775.232
Cộng	14.167.425.373	15.066.806.563

12. Thuế và các khoản phải nộp khác

Công ty Cổ phần Hải Minh	595.254.360	959.656.131
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	897.924.505	1.163.808.149
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	39.468.219	334.533.647
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	20.838.030	373.274.617
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	383.397.720	720.485
Cộng	1.936.882.834	2.831.993.029

13. Các khoản phải trả ngắn hạn khác

Công ty Cổ phần Hải Minh	724.626.457	819.153.645
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	16.943.881	6.086.881
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	4.130.960	4.130.960
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	-	63.406.950
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	1.335.177.589	27.060.000
Cộng	2.080.878.887	919.838.436

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh

14. Vốn chủ sở hữu

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư 01/01/2012	73.574.960.000	1.928.510.000	-	(4.571.898.630)	2.051.360.115	3.168.311.136	84.483.785.198	160.635.027.819
Tăng vốn trong năm trước	26.423.880.000	-	-	(1.167.200)	-	-	-	26.422.712.800
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	39.335.857.492	39.335.857.492
Thuế TNDN được miễn giảm	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	(31.144.792.400)	(31.144.792.400)
Chia lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	1.207.686.800	(9.240.699.035)	(8.033.012.235)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(165.431.959)	(165.431.959)
Số dư 31/12/2012	99.998.840.000	1.928.510.000	-	(4.573.065.830)	2.051.360.115	4.375.997.936	83.268.719.296	187.050.361.517
Số dư 01/01/2013	99.998.840.000	1.928.510.000	-	(4.573.065.830)	2.051.360.115	4.375.997.936	83.268.719.296	187.050.361.517
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	1.198.568.000	-	1.198.568.000
Lãi trong quý 1 năm 2013	-	-	-	-	-	-	8.821.438.636	8.821.438.636
Thuế TNDN được miễn giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Chia lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	(5.193.796.000)	(5.193.796.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư 31/03/2013	99.998.840.000	1.928.510.000	-	(4.573.065.830)	2.051.360.115	5.574.565.936	86.896.361.932	191.876.572.153

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh

Cổ phiếu

Chỉ tiêu	Số dư 31/03/2013	Số dư 01/01/2013
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.784.784	9.784.784
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.784.784	9.784.784
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại		-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		-
- Số lượng cổ phiếu được bán ra		-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		-
Tổng cộng	9.784.784	9.784.784

(*) *Mệnh giá cổ phiếu 10.000 VND.*

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Quỹ khen thưởng phúc lợi: Dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu: Dùng cho công tác khen thưởng của ban quản lý, điều hành Công ty.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng

Chỉ tiêu	Quý 1 năm 2013	Lũy kế từ đầu năm 2013	Quý 1 năm 2012	Lũy kế từ đầu năm 2012
Công ty Cổ phần Hải Minh	8.494.246.081	8.494.246.081	6.671.543.097	6.671.543.097
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	12.008.247.382	12.008.247.382	8.299.046.218	8.299.046.218
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	-	-	7.649.211.958	7.649.211.958
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	-	-	1.643.447.792	1.643.447.792
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	6.504.474.348	6.504.474.348	-	-
Cộng	27.006.967.811	27.006.967.811	24.263.249.065	24.263.249.065

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Quý I năm 2013

2. Giá vốn hàng bán

Chỉ tiêu	Quý I năm 2013	Lũy kế từ đầu năm 2013	Quý I năm 2012	Lũy kế từ đầu năm 2012
Công ty Cổ phần Hải Minh	5.874.132.475	5.874.132.475	4.537.988.611	4.537.988.611
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	6.217.775.112	6.217.775.112	4.902.831.370	4.902.831.370
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	-	-	7.829.346.260	7.829.346.260
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	94.279	94.279	1.887.506.189	1.887.506.189
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	7.453.112.753	7.453.112.753	-	-
Cộng	19.545.114.619	19.545.114.619	19.157.672.430	19.157.672.430

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Công ty Cổ phần Hải Minh	685.610.484	685.610.484	1.135.524.563	1.135.524.563
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	57.614.911	57.614.911	275.325.600	275.325.600
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	144.601.563	144.601.563	332.865.265	332.865.265
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	70.363.751	70.363.751	3.191.720	3.191.720
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	3.868.250	3.868.250	-	-
Cộng	962.058.959	962.058.959	1.746.907.148	1.746.907.148

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Hải Minh	1.251.950.142	1.251.950.142	1.310.738.175	1.310.738.175
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	731.544.393	731.544.393	576.993.809	576.993.809
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	716.702	716.702	466.386.078	466.386.078
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	110.289.938	110.289.938	299.062.658	299.062.658
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	296.697.389	296.697.389	-	-
Cộng	2.391.198.564	2.391.198.564	2.653.180.720	2.653.180.720

5. Thu nhập khác

Công ty Cổ phần Hải Minh	618.438.091	618.438.091	100.466.935	100.466.935
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	-	-	145.454.545	145.454.545
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	-	-	-	-
Cộng	618.438.091	618.438.091	245.921.480	245.921.480

6. Chi phí khác

Công ty Cổ phần Hải Minh	392.079.183	392.079.183	-	-
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	-	-	-	-
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	-	-	4.800	4.800
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	-	-	141.130.294	141.130.294
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	-	-	-	-
Cộng	392.079.183	392.079.183	141.135.094	141.135.094

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý I năm 2013

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Quý 1 năm 2013</u>	<u>Quý 1 năm 2012</u>
Số lượng cổ phiếu lưu hành đầu kỳ	9.784.784	6.964.806
Số lượng cổ phiếu bán ra trong kỳ	-	-
Số lượng cổ phiếu mua vào trong kỳ	-	-
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	9.784.784	6.964.806
Lợi nhuận kế toán phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	8.826.974.838	6.820.145.018
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	902	979

8. Giai trình chênh lệch lợi nhuận hợp nhất sau thuế so với cùng kỳ năm trước .

Lợi nhuận hợp nhất quý 1/2013 tăng 29% so cùng kỳ năm trước chủ yếu là do Doanh nghiệp đã cố gắng giữ vững các dịch vụ, nỗ lực tìm kiếm thêm dịch vụ và khách hàng mới doanh thu tăng (Tổng doanh thu tăng 11,3% so cùng kỳ). đồng thời thực hiện tốt chủ trương tiết kiệm và quản lý tốt chi phí đầu vào cũng là các yếu tố chủ chốt dẫn đến lợi nhuận hợp nhất tăng 29% so cùng kỳ.



HCM, ngày 15 tháng 05 năm 2013

NGUYỄN QUỐC HÙNG
Giám đốc

NGUYỄN THẾ HÙNG
Kế toán trưởng